

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRẦN HƯNG ĐẠO
Số: 31/TB-THĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 1, ngày 06 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học,
Năm học 2022 - 2023**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp Một	Lớp Hai	Lớp Ba	Lớp Bốn	Lớp Năm
I	Điều kiện tuyển sinh.	- 239 em. Chỉ tiêu tuyển sinh 315 em/ 8 lớp. - Ưu tiên nhận học sinh có hộ khẩu thường trú tại P.NCT Q1.	275 em/ 8 lớp	307 em/ 8 lớp	332 em/ 9 lớp	402 em / 9 lớp
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông – Cấp tiểu học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ban hành. - Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với học sinh lớp Một, Hai, Ba theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	- Ban Đại diện CMHS được tổ chức và hoạt động theo điều 49; 50 của Điều lệ trường tiểu học. - Học sinh thực hiện quyền và nhiệm vụ theo điều 41;42;43;44 Điều lệ trường tiểu học.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Nhà trường thực hiện chế độ miễn giảm đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại Phường Nguyễn Cư Trinh. Tặng học bổng cho học sinh nghèo. - Tăng cường giáo dục kỹ năng sống thông qua mọi hoạt động, mọi lúc, mọi nơi, tập trung việc rèn kỹ năng đọc sách cho học sinh (<i>theo lịch của Thư viện</i>). Bên cạnh đó nhà trường cũng tổ chức rèn luyện thể chất thông qua việc cho học sinh qua hình thức tham gia Câu lạc bộ. - Hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao hoạt động tự học.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	- Học lực: * HS Hoàn thành chương trình lớp học: 99,94% * HS Hoàn thành chương trình bậc tiểu học: 100% . * Hiệu suất đào tạo: 99,26% - Kỹ năng: * Học sinh được rèn luyện các kỹ năng cơ bản như tư duy phân biện, đọc sách, giao tiếp, xếp hàng, sắp xếp đồ dùng cá nhân, thoát hiểm, tự bảo vệ,				

		- Phong trào : * Tham gia tích cực các phong trào của trường, quận. - Sức khỏe: * Học sinh được tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. * Đảm bảo 100% học sinh đều được khám sức khỏe định kì 1 lần/năm. * Có chế độ theo dõi trẻ dư cân; béo phì.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh không đủ điều kiện vẫn được rèn luyện để được hoàn thành chương trình bậc tiểu học.

Nơi nhận:

- Hội đồng sư phạm;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT.



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRẦN HƯNG ĐẠO
Số: 36/TB-THĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 1, ngày 06 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học,
Năm học 2022-2023**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	42/42	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	42 phòng	37,02 hs/lớp
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ	/	-
III	Số điểm trường lẻ	-	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	3907 m ²	2.51 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1540 m ²	0.99 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	1749 m ²	1.13 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	54.33m ²	1.5 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	121m ²	0.06 m ²
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng. (m ²)	/	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	55m ²	0.03 m ²
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	110m ²	0.06 m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	26m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hoặc hòa nhập (m ²)	/	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội. (m ²)	26m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	33 bộ	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định.	33 bộ	Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	8 bộ	1 bộ/1 lớp
1.2	Khối lớp 2	4 bộ	0.4 bộ/1 lớp
1.3	Khối lớp 3	6 bộ	0.6 bộ/1 lớp
1.4	Khối lớp 4	6 bộ	0.6 bộ/1 lớp
1.5	Khối lớp 5	6 bộ	0.75 bộ/1 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định.	/	/

2.1	Khối lớp 1	0 bộ	
2.2	Khối lớp 2	0 bộ	
2.3	Khối lớp 3	3 bộ	
2.4	Khối lớp 4	3 bộ	
2.5	Khối lớp 5	3 bộ	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	120 bộ	0.07 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10 cái	0.2
2	Cát xét	14 cái	0.2
3	Đầu Video/đầu đĩa	/	/
4	Máy chiếu đa vật thể	1 cái	0.02
5	Máy chiếu	47 cái	1.09
6	Bảng tương tác	3 cái	0.07

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	55
XI	Nhà ăn	/

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		5/5		0,3 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 41/2010/QĐ-BGĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh.)

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Nơi nhận:

- Hội đồng sư phạm;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT.


TRƯỜNG HIỆU TRƯỞNG
Lê Thanh Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRẦN HƯNG ĐẠO
Số: 39/TB-THĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 1, ngày 06 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	63		8	50	4	1		6	32	25	49	1		
I	Giáo viên	55		6	44	4	1	0	1	32	22	46	1		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
	1 Tiếng dân tộc														
	2 Ngoại ngữ	7		1	6						7	7			
	3 Tin học	2			1	1				2		2			
	4 Âm nhạc	1					1		1			1			
	5 Mỹ thuật	0													
	6 Thể dục	4			3	1				2	2	4			
II	Cán bộ quản lý	3		2	1			0			3	3			
	1 Hiệu trưởng	1		1							1	1			

2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2	2			
III	Nhân viên	5			5			10	5					
1	Nhân viên văn thư	1			1				1					
2	Nhân viên kế toán	1			1				1					
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1			1				1					
5	Nhân viên thư viện	1			1				1					
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1				1					
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
9	Tổng phụ trách Đội													
10	Cấp dưỡng	6						6						
11	Bảo vệ	3						3						
12	Phục vụ	1						1						

Nơi nhận:

- Hội đồng sư phạm;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

